



bīng zhù

冰柱

noun · icicle

Example Sentences

Wū yán xià guà zhe cháng cháng de bīng zhù
屋檐下挂着 长 长的冰柱。

Long icicles hang under the eaves.

Hái zǐ men xǐ huān bǎ bīng zhù dǎ xià lái wán
孩子们喜欢把冰柱打下来玩。

Children like to knock down icicles to play with.

Trace each character, then write the word on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
柱	柱	柱	柱	柱	柱	柱	柱	柱	柱	柱
柱										